

Hướng dẫn tự học tháng 10. Tiếng anh 6

Unit 3 : Friends

• Pronunciation and Vocabulary

Words	Pronunciation	Meaning/Example
1. Glasses (Adj)	/glæsɪz/	Mắt kính
2. Long (Adj)	/lɒŋ/	Dài
3. Short (Adj)	/ʃɔːrt/	Ngắn, thấp
4. Slim (Adj)	/slɪm/	Thon thả, gầy
5. Tall (Adj)	/tɔːl/	Cao
6. Blond (Adj)	/blɒnd/	(Tóc) vàng She had long <u>blond</u> hair.
7. Blue (Adj)	/bluː/	Màu xanh dương
8. Brown (Adj)	/braʊn/	Màu nâu Henry has short light <u>brown</u> hair and green eyes.
9. Red (Adj)	/red/	Màu đỏ
10. Black (Adj)	/blæk/	Màu đen
11. Badminton (n)	/'bædmɪntən/	Cầu lông
12. Movie (n)	/'muːvi/	Phim ảnh Let's watch a <u>movie</u> tonight.
13. Cake (n)	/keɪk/	Bánh ngọt There's carrot <u>cake</u> for dessert.
14. Barbecue (n)	/'bɑːrbɪkjʊː/	Tiệc nướng ngoài trời She is having a <u>barbecue</u> with her friends.
15. Party (n)	/'pɑːrti/	Bữa tiệc Did you go to the <u>party</u> ?
16. Swimming (n)	/'swɪmɪŋ/	Bơi lội <u>Swimming</u> is a good form of exercise.
17. Beach (n)	/biːtʃ/	Bãi biển She often spent summer days at the <u>beach</u> .
18. Mall (n)	/mɔːl/	Trung tâm thương mại Let's go to the <u>mall</u> .
19. Pizza (n)	/'piːtsə/	Bánh pi-za
20. TV (n)	/'tiːviː/	Ti vi
21. Video game (n)	/'vɪdɪəʊ geɪm/	Trò chơi điện tử
22. Lazy (Adj)	/'leɪzi/	Lười biếng We spent a <u>lazy</u> day on the beach.
23. Selfish \times Unselfish (Adj)	/'selfɪʃ/	Ích kỷ \times Không ích kỷ
24. Kind (Adj)	/kaɪnd/	Tử tế

25. Helpful (Adj)	/'helpfl/	Có ích <i>She's one of the most <u>helpful</u> people I know.</i>
26. Friendly (Adj)	/'frendli/	Thân thiện <i>This is a very <u>friendly</u> neighbourhood.</i>
27. Funny (Adj)	/'fʌni/	Buồn cười, vui nhộn <i>He was a very <u>funny</u> guy as well as a kind person.</i>
28. Personality (n)	/.pɜ:sə'næləti/	Tính cách, cá tính <i>His wife has a strong <u>personality</u>.</i>
29. Appearance (n)	/ə'piərəns/	<i>She never been greatly concerned about her <u>appearance</u>.</i>

- Grammar**

The present continuous

1. Cách dùng

- Diễn đạt một hành động đang xảy ra tại thời điểm nói.

VD: I am eating my lunch right now.

2. Dạng thức của thì hiện tại tiếp diễn

a. Cấu trúc

Thể khẳng định			Thể phủ định		
I	am	+ V-ing	I	am not	+ V-ing
He/ she/ it/ Danh từ số ít/ danh từ không đếm được	is		He/ she/ it/ Danh từ số ít/ danh từ không đếm được	isn't	
You/ We/ They/ Danh từ số nhiều	are		You/ We/ They/ Danh từ số nhiều	aren't	
Thể nghi vấn			Câu trả lời ngắn		
Am	I	+ V-ing	Yes,	I	am
			No,		am not
Is	He/ she/ it/ Danh từ số ít/ danh từ không đếm được		Yes,	He/ she/ it/ Danh từ số ít/ danh từ không đếm được	is
			No,		isn't
Are	You/ We/ They/ Danh từ số nhiều		Yes,	You/ We/ They/ Danh từ số nhiều	are
			No,		aren't

3. Dấu hiệu nhận biết

- Trong câu có các trạng từ chỉ thời gian:

now (bây giờ), right now (ngay bây giờ), at the moment (lúc này), at present (hiện tại), at this time (bây giờ), at + giờ cụ thể (at 12 o'clock)

• Trong câu có các từ như:

Look! (nhìn kìa), Listen (hãy nghe này), Keep silent! (Trật tự), Be careful! (Cẩn thận), Hurry up! (Hãy nhanh lên)...

I. Fill in the blanks using the words in the box

glasses helpful long black lazy
funny the mall friends play video games badminton

1. Phong's hair is straight and _____ .
2. Teenagers would go hang at _____ after school.
3. Where is your brother? That is the one with _____ .
4. I like to _____ with my friends. My mom only lets me play after I finish my homework.
5. Jack's mother shouts at him because he is _____ and he doesn't clean his room.
6. The doctors are _____ because they help the patients treat their illnesses.
7. Lily is one of my best _____ in the secondary school.
8. His grandfather has a _____ , grey beard.
9. I usually play _____ with my friends at school. I can hit the shuttlecock really hard.
10. My classmate is very _____ he loves to tell jokes in class.

II. Read the following passage and choose the best answer

Wickedly Wonderful is a small summer (1) _____ in the UK for children aged 6 to 13 years old. The children (2) _____ a week outdoors at the camp, making new friends and learning new activities while having a lot of fun. (3) _____ the summer camp, they sail, horse ride, kayak, enjoy games on the beach and the beach (4) _____, swim, surf, go crabbing and ride bikes. Children will enjoy holidays with Wickedly Wonderful, and (5) _____ are holidays that they will remember forever!

1. A. term B. course C. camp D. holiday
2. A. take B. spend C. use D. pass
4. A. At B. In C. On D. During
5. A. firingcamp B. campfire C. firecamp D. firingcamp
6. A. this B. that C. these D. those

III. Fill in the blanks with the correct form of the verbs.

1. Alexander _____ for his exam at the moment. (*study*)
2. She _____ goft tomorrow. (*not play*)
3. They _____ dinner now. (*make*)
4. The company _____ dinner now. (*have*)

5. She _____ oysters for lunch right now. (*eat*)
6. David _____ to Chicago next week. (*not fly*)
7. I _____ on a special report today. (*work*)
8. We _____ dinner this evening because we're eating out. (*not cook*)
9. _____ Tom _____ to work right now? (*drive*)

10. When _____ you _____ lunch tomorrow? (*have*)

Trường THCS Chi Lăng
Lớp..... Mã Số.....
Họ tên:.....

PHẦN NỘP LẠI CHẤM ĐIỂM.

TEST 1

I. Read the sentences. Circle the correct answers.

1. I like _____ because I like reading stories.
A. literature **B.** math **C.** physics **D.** biology
2. I like to learn about plants and how they grow. I like _____.
A. I.T **B.** biology **C.** history **D.** math
3. I like computers. That's why I like _____.
A. I.T **B.** P.E **C.** history **D.** physics
4. I love to learn about mountains and rivers. I like _____.
A. I.T **B.** physics **C.** English **D.** geography
5. I don't like running and playing sports. I don't like _____.
A. literature **B.** P.E **C.** math **D.** history
6. Studying helps me learn about countries around the _____ world and famous people in the past.
A. music **B.** history **C.** biology **D.** math

II. Read the sign / text in the box and choose the correct meaning (A, B, C or D)

7. What does this sign say?

- A. Mall
- B. Movie theater
- C. Center
- D. Classroom

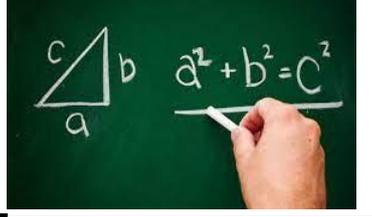


8. What does this sign say?

- A. TV
- B. Blackboard
- C. Video game
- D. Party



III. MATCHING

9.		A, Long hair
10.		B, I.T
11.		C, Music
12.		D, Physics
13.		E, Balcony
14.		F, Math

IV. Give the correct form of the verbs to complete the sentences.

15. They _____ hockey at school. (play)
16. She _____ poems. (not/ write)
17. _____ you _____ English? (speak)
18. My parents _____ fish. (not/like)
19. _____ Elisabeth _____ the door? (knock)
20. What _____ you _____ in the school canteen? (buy)

PHẦN NỘP LẠI CHẤM ĐIỂM.

Trường THCS Chi Lăng

Lớp..... Mã Số.....

Họ tên:.....

TEST 2

1. - _____? – I live on Tran Hung Dao street.
A. Where are you live? B. do you live where?
C. Where do you live? D. Where you live?
2. That is _____ ruler.
A. Nam B. an C. a D. I
3. Sit _____, please.
A. up B. down C. in D. on
4. How many tables are _____ in your class?
A. this B. that C. these D. there
5. What are these?- _____ are chairs
A. It B. They C. This D. That
6. Are you students?
A. Yes, we are B. Yes, they are C. Yes, they are D. Yes, they do
7. _____ Ted and Jack in their class?
A. Is B. Are C. Be D. Am
8. Nowadays, students often use _____ in maths lessons.
A. rubbers B. calculators C. pencils D. dictionaries
9. Studying _____ helps me learn about countries around the world and famous people in the past.
A. music B. biology C. physics D. history
10. Listen! The teacher _____ a new lesson to us.
A. is explaining B. are explaining C. explain D. explains

II. Match the questions in column A to the answers to column B: (1,5 pts)

A	B
11. Where do you live?	A. In a hospital
12. Who do you live with?	B. She is a housewife
13. Where does your father work?	C. I live with my parents and sister
14. Does your house have a cat?	D. Yes, I do
15. Where does your mother work?	E. I live in Paris
16. Do you love your family?	F. No, but dog

III. Fill in the blanks with words from the unit. The first letter is already there.

17. I like sitting outside on my **_balcony_** when it's hot.

18. North, East, South, and **_W_____** are the four cardinal points of the compass.

19. After eating dinner, I do the **_d_____**.

20. I live in the countryside. My **_v_____** is very small. It only has a few houses and one store.